

Bản án số: 99/2024/HNGĐ-ST.

Ngày: 04/7/2024

Về việc: “*Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng*”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT - TỈNH KIÊN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đặng Thanh Sang**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Phạm Hồng Gái**

Ông **Nguyễn Văn Đoạt**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Ngọc Diệp** - Thư ký TAND huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn đất tham phiên tòa: Bà **Trần Phương Thúy** – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 110/2024/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2024 về việc: “*Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2024/QĐST - HNGĐ, ngày 25 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Vũ Thị L**, sinh năm 1969 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: **tổ A, khu phố T, thị trấn H, huyện H, tỉnh Kiên Giang.**

Bị đơn: Ông **Nguyễn Tấn V**, sinh năm 1969 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: **tổ A, khu phố T, thị trấn H, huyện H, tỉnh Kiên Giang.**

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà **Vũ Thị L** trình bày như sau:

Vào năm 1995, bà **Vũ Thị L** và ông **Nguyễn Tấn V** tự tìm hiểu và yêu thương sau đó được hai bên gia đình thống nhất làm lễ cưới để thành vợ chồng do không

am hiểu pháp luật nên không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống thời gian đầu, vợ chồng sinh sống với nhau vui vẻ hạnh phúc, ông bà sinh được 02 người con chung tên Nguyễn Vũ Phương H, sinh ngày 19/08/1996 và Nguyễn Vũ Yên N, sinh ngày 25/5/2001. Đến cuối năm 2022, giữa bà Vũ Thị L và ông Nguyễn Tấn V thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, hay cự cãi và ông Nguyễn Tấn V ngoại tình với người khác. Vì các lý do trên, bà Vũ Thị L nhận thấy vợ, chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên bà Vũ Thị L yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất xem xét, giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Bà Vũ Thị L yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông Nguyễn Tấn V.

- Về con chung: Bà Vũ Thị L và ông Nguyễn Tấn V có 02 người con chung tên Nguyễn Vũ Phương H, sinh ngày 19/08/1996 và Nguyễn Vũ Yên N, sinh ngày 25/5/2001 hiện đều đã trưởng thành không có nhược điểm về thể chất và tinh thần. Do đó, bà Vũ Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà Vũ Thị L và ông Nguyễn Tấn V có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Vũ Thị L và ông Nguyễn Tấn V không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

** Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên bị đơn ông Nguyễn Tấn V trình bày như sau:*

Vào năm 1995, ông Nguyễn Tấn V và bà Vũ Thị L tự tìm hiểu và yêu thương sau đó được hai bên gia đình thống nhất làm lễ cưới để thành vợ chồng do không am hiểu pháp luật nên chúng ông Nguyễn Tấn V không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống thời gian đầu, vợ chồng sinh sống với nhau vui vẻ hạnh phúc, chúng ông Nguyễn Tấn V sinh được 02 người con chung tên Nguyễn Vũ Phương H, sinh ngày 19/08/1996 và Nguyễn Vũ Yên N, sinh ngày 25/5/2001. Đến cuối năm 2022, giữa ông Nguyễn Tấn V và bà Vũ Thị L thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, hay cự cãi và do bà Vũ Thị L không cho gần gũi nên ông Nguyễn Tấn V nảy sinh tình cảm với người khác. Vì các lý do trên, ông Nguyễn Tấn V nhận thấy vợ, chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay ông Nguyễn Tấn V yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất xem xét, giải quyết cho ông Nguyễn Tấn V như sau:

Về hôn nhân: Ông Nguyễn Tấn V yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Tấn V và bà Vũ Thị L.

Về con chung: Ông Nguyễn Tấn V và bà Vũ Thị L có 02 người con chung tên Nguyễn Vũ Phương H, sinh ngày 19/08/1996 và Nguyễn Vũ Yến N, sinh ngày 25/5/2001 hiện đều đã trưởng thành không có nhược điểm về thể chất và tinh thần. Do đó, ông Nguyễn Tấn V không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông Nguyễn Tấn V và bà Vũ Thị L có tài sản chung nhưng ông Nguyễn Tấn V và bà Vũ Thị L tự thoả thuận nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Ông Nguyễn Tấn V và bà Vũ Thị L không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang có ý kiến phát biểu:*

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của người tiến hành tố tụng, từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đều thực hiện đúng quy định của Pháp luật; Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng, đối với nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử: Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Vũ Thị L và ông Nguyễn Tấn V; Về con chung: Bà Vũ Thị L và ông Nguyễn Tấn V xác nhận có con chung đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xét; Về tài sản chung, nợ chung đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; Về án phí: Buộc bà Vũ Thị L phải bào án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định vụ án này như sau:

[1] Về thẩm quyền: Theo nội dung đơn xin ly hôn của bà Vũ Thị L thì đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại khu phố T, thị trấn H, huyện H nên quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 vụ án thuộc thẩm giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bà Vũ Thị L và ông Nguyễn Tấn V có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại các Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về hôn nhân: Bà **Vũ Thị L** và ông **Nguyễn Tấn V** tự tìm hiểu yêu thương nhau, có tổ chức lễ cưới vào năm 1995 nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là trái quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Quá trình chung sống bà **Vũ Thị L** và ông **Nguyễn Tấn V** đều xác định thời gian đầu vợ chồng sống với nhau hòa thuận và hạnh phúc nhưng thời gian sau thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do cuộc sống không hòa hợp, bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Nay bà **Vũ Thị L** yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng với ông **Nguyễn Tấn V** và ông **Nguyễn Tấn V** cũng đồng ý nội dung yêu cầu của bà **Vũ Thị L**. Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu của đương sự là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình. Tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà **Vũ Thị L** và ông **Nguyễn Tấn V**.

[3.2] Về con chung: Bà **Vũ Thị L** và ông **Nguyễn Tấn V** có 02 người con chung tên **Nguyễn Vũ Phương H**, sinh ngày 19/08/1996 và **Nguyễn Vũ Yên N**, sinh ngày 25/5/2001. Bà **Vũ Thị L** và ông **Nguyễn Tấn V** thống nhất hiện nay các con chung đều đã trưởng thành và không có nhược điểm về thể chất, tinh thần nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xét.

[3.3] Về tài sản chung: Bà **Vũ Thị L** và ông **Nguyễn Tấn V** thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

[3.4] Về nợ chung: Bà **Vũ Thị L** và ông **Nguyễn Tấn V** xác nhận không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

[3.6] Về án phí hôn nhân và gia đình: Bà **Vũ Thị L** phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227, 228, Điều 271, 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, các điều 15, 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên Xử:**

1/ *Về quan hệ hôn nhân:* Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà **Vũ Thị L** và ông **Nguyễn Tấn V**.

2/ *Về con chung:* Bà **Vũ Thị L** và ông **Nguyễn Tấn V** có 02 người con chung tên **Nguyễn Vũ Phương H**, sinh ngày 19/08/1996 và **Nguyễn Vũ Yến N**, sinh ngày 25/5/2001. Bà **Vũ Thị L** và ông **Nguyễn Tấn V** thống nhất hiện các con chung đều đã trưởng thành và không có nhược điểm về thể chất, tinh thần nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xét.

3/ *Về tài sản chung:* Bà **Vũ Thị L** và ông **Nguyễn Tấn V** thống nhất xác nhận tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xét.

4/ *Về nợ chung:* Bà **Vũ Thị L** và ông **Nguyễn Tấn V** xác nhận không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xét.

5/ *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:* Bà **Vũ Thị L** phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001072 ngày 21/5/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Theo đó bà **Vũ Thị L** không phải nộp thêm.

6/ *Quyền kháng cáo:* Báo cho nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TA tỉnh Kiên Giang;
- VKS nhân dân huyện Hòn Đất;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đặng Thanh Sang

